Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8205.30.00

Mã HS	8205.30.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ cầm tay (kể cả đầu nạm kim cương để cắt kính), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác; đèn xì; mỏ cặp, bàn cặp và các đồ nghề tương tự, trừ các loại phụ kiện và các bộ phận phụ trợ của máy công cụ hoặc máy cắt bằng tia nước; đe; bộ bệ rèn xách tay; bàn mài quay hoạt động bằng tay hoặc chân / - Bào, đục, đục máng và dụng cụ cắt tương tự cho việc chế biến gỗ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 15:05:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82053000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12526
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12526
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12526
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11877
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11820
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11820
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11820
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11820
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11820
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11820
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11872
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11872
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11872
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11872

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11872
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11872
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11873
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11873
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11873
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11873
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11873
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11873
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11876
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11826
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11832
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11832
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11832
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11832
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11832
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11832
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11865
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11865
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11865
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11865
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11865
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11865
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11910
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11910
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11910
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11910

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11910
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11910
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11895
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11895
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11895
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11895
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11895
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11895
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11895
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11895
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11895
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11895
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11895
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11895
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D11912
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11912
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11912
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11912
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11912
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11912
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D11911
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11911
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11911
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11911
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11911
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11911

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11858
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11858
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11858
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11858
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11858
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11858
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11858
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11895
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11895
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11895
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11895
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11895
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11895
RCEP B	2022	2022	0	B!D11895
RCEP B	2023	2023	0	B!E11895
RCEP B	2024	2024	0	B!F11895
RCEP B	2025	2025	0	B!G11895
RCEP B	2026	2026	0	B!H11895
RCEP B	2027	2027	0	B!I11895
RCEP C	2022	2022	0	C!D11895
RCEP C	2023	2023	0	C!E11895
RCEP C	2024	2024	0	C!F11895
RCEP C	2025	2025	0	C!G11895
RCEP C	2026	2026	0	C!H11895
RCEP C	2027	2027	0	C!I11895
RCEP D	2022	2022	0	D!D11894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11894
RCEP D	2024	2024	0	D!F11894
RCEP D	2025	2025	0	D!G11894
RCEP D	2026	2026	0	D!H11894
RCEP D	2027	2027	0	D!I11894
RCEP E	2022	2022	0	E!D11898
RCEP E	2023	2023	0	E!E11898
RCEP E	2024	2024	0	E!F11898
RCEP E	2025	2025	0	E!G11898
RCEP E	2026	2026	0	E!H11898
RCEP E	2027	2027	0	E!I11898
RCEP F	2022	2022	0	F!D11895
RCEP F	2023	2023	0	F!E11895
RCEP F	2024	2024	0	F!F11895
RCEP F	2025	2025	0	F!G11895
RCEP F	2026	2026	0	F!H11895
RCEP F	2027	2027	0	F!I11895
VIFTA	2024	2024	17,1	VI!F11001
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G11001
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H11001
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I11001

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8205.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8205.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12526), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.